

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**Số: 25/ CV-CT-TCKT**  
V/v Định hướng mục tiêu SXKD 5  
năm giai đoạn 2021-2025.

Bình Phước, ngày 25 tháng 03 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Công ty: **Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn**

Mã chứng khoán: **SJD**

Trụ sở chính: Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước

Điện thoại: 0271 3563 359 Fax: 0271 3563 133

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Mai Ngọc Hoàn**

Địa chỉ: Thanh Bình, Bù Đốp, Bình Phước

Điện thoại (Di động, cơ quan, nhà riêng): 0271 3563 375 Fax: 0271 3563 133

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn công bố Nghị quyết của HĐQT số 13/NQ-HĐQT ngày 25/03/2020 về việc phê duyệt định hướng, mục tiêu sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết của HĐQT số 13/NQ-HĐQT ngày 25/03/2020.

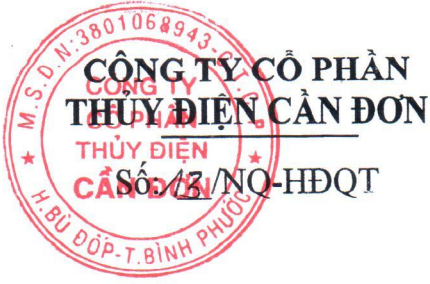
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TCHC, TCKT

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



*Mai Ngọc Hoàn*



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**  
Số: 17/NQ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Phước, ngày 25 tháng 3 năm 2020

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về việc Phê duyệt định hướng, mục tiêu kế hoạch SXKD 5 năm  
giai đoạn 2021-2025**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn;

Xét Tờ trình số 11/TTr-CT-KTKH ngày 18 tháng 3 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt định hướng kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn (2021-2025) của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn;

Ý kiến thống nhất của các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn,

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1.** Phê duyệt định hướng, mục tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn (2021-2025) của Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn với các nội dung cụ thể như sau:

### **1. Mục tiêu tổng quát**

- Xây dựng và phát triển Công ty thành đơn vị vững mạnh, lấy hiệu quả kinh tế làm động lực cho sự phát triển bền vững của Công ty;
- Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tìm kiếm các dự án điện phù hợp để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật và công nhân có chuyên môn, tay nghề cao.
- Phát huy cao độ mọi nguồn lực và chủ động hội nhập để nâng cao năng lực cạnh tranh, nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường.
- Cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; Đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động ngày một tốt hơn.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích chung của Nhà nước, Nhà đầu tư và của Công ty.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Tổng giá trị SXKD 5 năm phần đầu đạt 2.465,5 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt 495,3 tỷ đồng.
- Doanh thu trong 5 năm phần đầu đạt 2.245 tỷ đồng, đến năm 2025 là 451 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách trong 5 năm phần đầu đạt 757 tỷ đồng, đến năm 2025 là 153,3 tỷ đồng.



- Lợi nhuận trước thuế 5 năm phân đầu đạt 1.009,5 tỷ đồng, đến năm 2025 là 205,2 tỷ đồng.

- Vốn chủ sở hữu đến 31/12/2025 là 934 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ đến 31/12/2025 là 689,9 tỷ đồng.

- Tỷ lệ cổ tức bình quân hàng năm phân đầu ở mức trung bình 23%.

- Giá trị đầu tư 05 năm là 49,1 tỷ đồng, đến năm 2025 là 10,8 tỷ đồng.

*(Chi tiết có phụ lục kèm theo)*

*Hàng năm, trên cơ sở điều kiện thực tế về thời tiết, khí hậu, thủy văn; HĐQT sẽ trình ĐHCĐ Công ty phê duyệt kế hoạch SXKD cụ thể cho từng năm cho phù hợp để thực hiện.*

### **3. Một số giải pháp chính để hoàn thành mục tiêu**

#### **3.1 Về bộ máy tổ chức, nguồn nhân lực**

- Sắp xếp và tinh gọn bộ máy tổ chức; bố trí lao động, cán bộ quản lý phù hợp với trình độ, năng lực của CBCNV từ Công ty mẹ cho đến các Chi nhánh, Công ty con; Bồi dưỡng nhận thức chính trị, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cải tiến phương pháp làm việc nhằm nâng cao năng suất và chất lượng công việc;

- Thực hiện chính sách thu hút và tuyển dụng lao động mới có trình độ, tay nghề cao phù hợp với tình hình SXKD của đơn vị trong giai đoạn tới.

- Gắn tiền lương, tiền thưởng với chất lượng và hiệu quả kinh doanh, xây dựng định mức đơn giá theo đơn giá sản phẩm phù hợp theo hướng giảm chi phí tăng mức thu nhập của người lao động.

- Thường xuyên chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần, tạo điều kiện cho người lao động có cuộc sống và thu nhập ổn định, gắn bó lâu dài với Công ty.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động phong trào thể thao, văn nghệ, vui chơi giải trí lành mạnh cho CBCNV. Phát động các phong trào thi đua, khen thưởng động viên kịp thời các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất.

#### **3.2 Về Kinh tế, Tài chính**

- Sử dụng và khai thác nguồn vốn có hiệu quả, đúng mục đích.

- Tối ưu hóa lợi nhuận của Công ty trên tinh thần tiết kiệm, kiểm soát tốt các chi phí, thực hiện phòng chống tốt tham nhũng, lãng phí.

- Ưu tiên khoản đầu tư, nâng cấp cải tiến, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị phục vụ sản xuất, nhằm nâng cao tuổi thọ và hiệu quả sử dụng, khai thác thiết bị các nhà máy.

- Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước và của Công ty về công tác tài chính, kế toán, kế hoạch, lựa chọn nhà thầu, hợp đồng, đầu tư, báo cáo, kiểm toán...

- Tiếp tục chỉ đạo công tác sửa đổi hoàn chỉnh các quy chế nội bộ trong công tác quản lý, trên cơ sở chấp hành đúng các quy định của Nhà nước.

- Thực hiện báo cáo hạch toán kinh doanh, tổng hợp chi phí sản xuất thường xuyên theo tháng, quý, năm. Trên cơ sở quyết toán, tiến hành phân tích kinh tế, tìm nguyên nhân và khắc phục những hoạt động kém hiệu quả, các chi phí vượt định mức, phát huy những hoạt động mang lại hiệu quả kinh tế cao.

- Xây dựng chiến lược vốn, đảm bảo đủ vốn cho SXKD và đầu tư của Công ty.

- Quyết liệt thu hồi các khoản công nợ tồn đọng quá hạn.

### **3.3 Công tác quản lý vận hành**

- Quản lý vận hành các Nhà máy đúng các quy trình, quy định đảm bảo thiết bị sẵn sàng khi được huy động.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình thủy văn và tình hình sản xuất của các nhà máy bậc thang trên để chủ động điều tiết vận hành các nhà máy thuộc công ty hợp lý; tận dụng triệt để nguồn nước về hồ để phát điện.

- Tuân thủ quy trình vận hành các hồ chứa, các quy chế phối hợp với địa phương đảm bảo vận hành an toàn thiết bị và công trình trong mùa mưa bão.

- Tiếp tục đào tạo CBCNV đáp ứng được yêu cầu thay đổi và áp dụng công nghệ mới vào hệ thống thiết bị tại các nhà máy của công ty.

- Duy trì tác phong công nghiệp trong các hoạt động sản xuất; Đảm bảo công tác ATBHLĐ, ý thức tổ chức kỷ luật lao động.

- Rà soát sắp xếp bố trí lao động cho phù hợp với tình hình thực tế.

### **3.4 Công tác quản lý kỹ thuật, bảo dưỡng sửa chữa, ATBHLĐ-PCCN**

- Thực hiện thường xuyên nhiệm vụ quản lý chất lượng thông qua việc kiểm tra giám sát, nhằm phát hiện, xử lý kịp thời những sự cố trong quá trình vận hành. Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý kỹ thuật cho phù hợp với thiết bị công nghệ của từng Nhà máy.

- Nâng cao chất lượng công tác lập và triển khai thực hiện kế hoạch nội dung BDSC thiết bị, công trình các nhà máy, công tác vật tư..; theo dõi và đôn đốc các bộ phận chuyên môn thực hiện đúng các chức năng nhiệm vụ được giao nhằm đảm bảo năng suất và chất lượng công việc theo kế hoạch.

- Định kỳ hàng quý đánh giá tình trạng kỹ thuật và chất lượng thiết bị nhằm phát hiện sớm các nguy cơ có thể xảy ra sự cố để có các biện pháp ngăn chặn, khắc phục kịp thời không để các tổ máy phải dừng do sự cố; Tiếp tục khuyến khích CBCNV nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tìm kiếm nguồn vật tư, thiết bị phù hợp để mua sắm phục vụ công tác sửa chữa, thay thế.

- Khắc phục tồn tại máy móc thiết bị đã được nhận diện tại các nhà máy nhằm đảm bảo an toàn trong công tác vận hành và hiệu suất khai thác tối đa có thể đạt được.

- Thực hiện giám sát đầy đủ công tác an toàn BHLĐ, PCCN trong mọi hoạt động sản xuất. Hàng tháng thực hiện đánh giá việc tuân thủ, khen thưởng các trường hợp điển hình chấp hành tốt và xử phạt kịp thời các trường hợp lơ là, vi phạm an toàn công tác ATBHLĐ, PCCN.

- Tăng cường công tác nghiên cứu ứng dụng CNTT trong mọi hoạt động quản lý và sản xuất của nhà máy.

### **3.5 Công tác quản lý vật tư, thiết bị, xe máy**

- Tổ chức mua sắm vật tư thiết bị phục vụ BDSC thay thế hợp lý, đảm bảo đủ cho sản xuất, hạn chế tối thiểu vật tư tồn kho; Quản lý tốt vật tư lưu kho dự phòng nóng cho sản xuất.

- Lập kế hoạch thay thế, nâng cấp các thiết bị chính, phụ đã xuống cấp tại các nhà máy trong công ty kịp thời nhằm đảm bảo vận hành sản xuất an toàn liên tục.

5801060  
CÔNG T  
CỔ PHẦN  
HUY ĐIỆN  
AN Đ  
T. BÌNH P

- Kiểm soát giám sát chặt chẽ công tác sửa chữa lớn xe máy thiết bị. Nâng cao chất lượng sửa chữa, xây dựng biện pháp sửa chữa hợp lý.

- Thường xuyên kiểm tra các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động trong nhà máy và thực hiện bảo dưỡng, kiểm định đúng định kỳ theo quy định.

### 3.6 Công tác quản lý chất lượng, quản lý rủi ro

- Thực hiện tốt quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015. Áp dụng đồng bộ, duy trì thường xuyên việc áp dụng tiêu chuẩn trong mọi hoạt động sản xuất của Công ty.

- Tăng cường nâng cao chất lượng công tác quản lý rủi ro và đưa công tác quản lý rủi ro đi vào chiều sâu.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp trong công tác QTRR. Tiến tới các hoạt động cốt lõi của Công ty đều phải được kiểm soát thông qua các quy trình quản trị rủi ro.

**Điều 2.** Giao Tổng giám đốc Công ty triển khai thực hiện. Hàng năm căn cứ định hướng kế hoạch và mục tiêu trên xây dựng kế hoạch SXKD, giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra phù hợp với tình hình thực tế của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Điều 3.** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban Công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Người Đại diện vốn của Công ty tại các đơn vị khác và những người có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ căn cứ Quyết nghị thực hiện.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN CẦN ĐƠN



Phạm Văn Việt



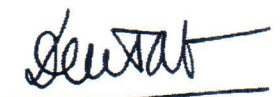
Mai Ngọc Hoàn



Nguyễn Quang Tuyên




Nguyễn Hồng Vân



Trần Đức Tân

#### Nơi nhận:

- Như điều 3 (th/h); 
- Các TVHĐQT, BKS;
- Đảng ủy Công ty;
- Lưu: HĐQT, TCHC.

**Phụ lục: Mục tiêu kế hoạch SXKD 5 năm giai đoạn 2021-2025**  
 Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT, ngày 25/3/2020  
 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Cần Đơn

TT	Tên chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2021		Kế hoạch năm 2022		Kế hoạch năm 2023		Kế hoạch năm 2024		Kế hoạch năm 2025		Tổng cộng	
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ
<b>A</b>	<b>KH SẢN XUẤT KINH DOANH</b>													
<b>I</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	10 <sup>6</sup> đ	491,000	455,200	492,000	456,300	493,000	457,300	494,200	458,400	495,300	459,500	2,465,500	2,286,700
1	Giá trị KD SP công nghiệp	10 <sup>6</sup> đ	485,482	449,682	486,232	450,532	486,970	451,270	487,894	452,094	488,705	452,905	2,435,283	2,256,483
2	Giá trị KD dịch vụ khác	10 <sup>6</sup> đ	5,518	5,518	5,768	5,768	6,030	6,306	6,306	6,306	6,595	6,595	30,217	30,217
<b>II</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>													
1	Tổng doanh thu	10 <sup>6</sup> đ	447,000	414,000	448,000	415,000	449,000	416,000	450,000	417,000	451,000	418,000	2,245,000	2,080,000
2	Lợi nhuận	10 <sup>6</sup> đ												
	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>6</sup> đ	199,000	199,000	199,900	199,900	201,400	201,400	204,000	203,400	205,200	205,300	1,009,500	1,009,000
	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>6</sup> đ	158,332	162,520	159,187	162,720	160,551	163,330	162,801	164,751	165,009	164,982	805,880	818,303
3	Nộp nhà nước	10 <sup>6</sup> đ	149,912	142,173	150,358	142,620	151,157	143,419	152,514	144,776	153,301	145,563	757,242	718,551
4	Tỷ suất lợi nhuận	%	45	48	45	48	45	48	45	49	45	49		
	Lợi nhuận cận biên ( Lợi nhuận trước thuế / Doanh thu)	%	23	24	18	19	18	18	18	18	18	18		
	Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ (ROE)	%	23	24	18	19	18	18	18	18	18	18		
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ (ROA)	%	23	24	18	19	18	18	18	18	18	18		
5	Vốn chủ sở hữu	10 <sup>6</sup> đ	681,598	681,598	878,388	878,388	896,141	896,141	914,545	914,545	934,156	934,156	934,156	934,156
6	Vốn điều lệ	10 <sup>6</sup> đ	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986	689,986
7	Tổng tài sản	10 <sup>6</sup> đ	1,423,015	1,202,175	1,413,781	1,198,851	1,403,105	1,195,175	1,391,040	1,191,110	1,377,548	1,186,617	1,401,716	1,194,786
8	Hệ số nợ phải trả/VĐL (VCSH)	lần	0.33		0.61		0.57		0.52		0.47		3	
9	Cổ tức	%		23		23		23		23		23		
<b>III</b>	<b>KHỐI LƯỢNG CHỦ YẾU</b>	10 <sup>6</sup> đ												
	Sản xuất điện thương phẩm	10 <sup>6</sup> đ	423	397	423	397	423	397	423	397	423	397	2,115	-
	TĐ Cần Đơn			300		300		300		300		300		1,500
	TĐ Nhà Lơi			49		49		49		49		49		245
	TĐ Rỵ Ninh 2			48		48		48		48		48		240
<b>B</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	10 <sup>6</sup> đ	13,000	12,500	8,500	8,000	7,100	6,600	9,700	9,400	10,800	10,000	49,100	46,500
	Đầu tư nâng cao năng lực	10 <sup>6</sup> đ	13,000	12,500	8,500	8,000	7,100	6,600	9,700	9,400	10,800	10,000	49,100	46,500

